

Số: 792 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức  
theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo -  
Xúc tiến đầu tư trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ các văn bản của Bộ Nội vụ: (1) số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 về việc đính chính các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; (2) số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm; (3) số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng tại Tờ trình số 775/TTr-BQL ngày 27/02/2024 (kèm theo Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo - Xúc tiến đầu tư trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng); đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 565/TTr-SNV ngày 14/3/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo - Xúc tiến đầu tư trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (theo Phụ lục đính kèm).

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt, chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo - Xúc tiến đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

a) Xác định số lượng viên chức theo từng vị trí việc làm đảm bảo không vượt quá số biên chế sự nghiệp Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm và thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

b) Phê duyệt Bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo quy định.

c) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng theo quy định.

d) Rà soát, bố trí người làm việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trên cơ sở số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo quy định.

2. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện vị trí việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo - Xúc tiến đầu tư theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm - Đào tạo - Xúc tiến đầu tư, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./,

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGT&CT;
- Lưu: VT, KSTTHC2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU VIÊN CHỨC**  
**THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM - ĐÀO TẠO -**  
**XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TRỰC THUỘC BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**  
(Kèm theo Quyết định số **192/QĐ-UBND** ngày **22 / 3 /2024** của Ủy ban nhân dân thành phố)

**1. Vị trí việc làm**

Số TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Trình độ chuyên môn của vị trí việc làm	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>			
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>			Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
<b>II</b>	<b>Yêu cầu cụ thể</b>				
<b>I</b>	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>	<b>4</b>			
1.1	Giám đốc	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Khoa học chính trị; Xã hội học; Kinh doanh và quản lý; Luật; Báo chí và truyền thông; Dịch vụ xã hội; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.2	Phó Giám đốc	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Khoa học chính trị; Xã hội học; Kinh doanh và quản lý; Luật; Báo chí và truyền thông; Dịch vụ xã hội; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số chuyên ngành khác phù hợp.	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Trình độ chuyên môn của vị trí việc làm	Ghi chú
1.3	Trưởng phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Khoa học chính trị; Xã hội học; Kinh doanh và quản lý; Luật; Báo chí và truyền thông; Dịch vụ xã hội; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.4	Phó Trưởng phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Khoa học chính trị; Xã hội học; Kinh doanh và quản lý; Luật; Báo chí và truyền thông; Dịch vụ xã hội; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</i>	5			
2.1	Tư vấn viên dịch vụ việc làm hạng III	1	Hạng III và tương đương	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Xã hội học, Kinh doanh và quản lý, Luật, Công nghệ thông tin, Báo chí và truyền thông, Dịch vụ xã hội và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.2	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng III	1	Hạng III và tương đương	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh doanh, Kinh tế học và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.3	Hỗ trợ pháp lý hạng II	1	Hạng II và tương đương	Trình độ đại học trở lên chuyên ngành Luật.	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Trình độ chuyên môn của vị trí việc làm	Ghi chú
2.4	Hỗ trợ pháp lý hạng III	1	Hạng và tương đương III	Trình độ đại học trở lên chuyên ngành Luật.	
2.5	Quản lý hoạt động đào tạo		Hạng III và tương đương	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Kinh doanh; Kinh tế học; Khoa học chính trị; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Công nghệ kỹ thuật, Quản trị - Quản lý và một số chuyên ngành khác phù hợp.	Vị trí kiêm nhiệm
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn dùng chung</i>	7			
3.1	Kế toán trưởng	1		Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính và một số chuyên ngành khác phù hợp.	Vị trí kiêm nhiệm
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
3.3	Chuyên viên thủ quỹ	1	Chuyên viên hoặc tương đương	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm và một số chuyên ngành khác phù hợp.	Vị trí kiêm nhiệm
3.4	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	1	Chuyên viên hoặc tương đương	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Kinh doanh; Kinh tế học; Khoa học chính trị; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Trình độ chuyên môn của vị trí việc làm	Ghi chú
				chuyên ngành khác phù hợp.	
3.5	Chuyên viên về tổng hợp	1	Chuyên viên hoặc tương đương	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Khoa học chính trị; Xã hội học; Kinh doanh và quản lý; Luật; Báo chí và truyền thông; Dịch vụ xã hội; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
3.6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	Chuyên viên hoặc tương đương	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Khoa học chính trị, Kinh doanh, Kinh tế học và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
3.7	Văn thư viên	1	Văn thư viên hoặc tương đương	Trình độ đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ, Lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.	
4	<b>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</b>	2			
4.1	Nhân viên bảo vệ	1			<i>HĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP</i>
4.2	Nhân viên phục vụ	1			

## 2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

TT	Số lượng/hạng chức danh nghề nghiệp		Tỷ lệ viên chức theo hạng CDNN (không tính lãnh đạo, quản lý)	Ghi chú
	Số lượng hạng chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh nghề nghiệp		
1	02	Hạng II hoặc tương đương	11%	
		Hạng III hoặc tương đương	89%	